

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-ST
Ngày: 27-12-2022
V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐST-DS ngày 29/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trà Thị H; địa chỉ: 257/9/15 Nguyễn Viết X, phường Hội P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Mai Văn T - Văn phòng Luật sư Mai Nthuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 142 Lê Thánh Tôn, phường Ia Kring, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị C, ông Trà Minh H, ông Trà Minh T, ông Trà Minh V, bà Trà G; cùng địa chỉ: 06 Nguyễn Viết X, tổ 2, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:*

- Bà Trà Thị T; địa chỉ: 257/9/13 Nguyễn Viết X, tổ 02, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trà Thị T: Luật sư Mai Văn T - Văn phòng Luật sư Mai Nthuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 142 Lê Thánh T, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Trà Thị L; địa chỉ: Tổ 02, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị T, bà Trà Hoa L; cùng địa chỉ: 14/1 đường Trăm B, thôn Hạ, xã Diên L, huyện Diên K, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Bà Trà Hoa N; địa chỉ: K1.94 WesternLand, đường TC1, phường Thới H - Mỹ Phước 1, huyện Bến C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trà Thị L, bà Trần Thị T, bà Trà Hoa L, bà Trà Hoa N là bà Trà Thị T; địa chỉ: Tổ 02, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18, 21/10/2021 và ngày 02/11/2021). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 05-10-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-01-2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trà Thị H và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bản án dân sự phúc thẩm số 65/2012/DS-PT ngày 31/8/2012 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai về việc “Tranh chấp về chia thừa kế” có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Tại bản án này đã kết luận các vấn đề:

Cụ Trà Minh Ch và cụ Lê Thị B là vợ chồng. Cụ Ch và có 05 người con: ông Trà Minh Ch1, sinh năm 1952, chết năm 2005 (ông Ch1 có vợ là bà Trần Thị T và các con là chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N); ông Trà Minh Ch2, sinh năm 1956, chết năm 2008, (ông Ch2 có vợ là bà Võ Thị C và các con là anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G); bà Trà Thị T, sinh năm: 1966; bà Trà Thị L, sinh năm: 1970, bà Trà Thị H, sinh năm: 1974.

Cụ Trà Minh Ch chết năm 1977, cụ Lê Thị B chết năm 2007, khi chết hai cụ không để lại di chúc.

Khi còn sống, Cụ Ch và cụ B có tài sản chung là thửa đất số 40, tờ bản đồ số 16, diện tích 132m², tài sản gắn liền với đất có nhà ở diện tích 40m² tại 06 Nguyễn Viết X, tổ 2, phường Hội P (nay là tổ 2, phường Phù Đ), thành phố P, tỉnh Gia Lai, nhà và đất được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582342 ngày 02/01/2007; nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của ông Ngô Văn Ng năm 1971.

Khi cụ Ch, cụ B chết thì tài sản nêu trên là di sản của hai cụ, trong đó bản án xác định di sản của Cụ Ch là ½ tài sản chung (tức là 66 m² nhà đất tại 06 Nguyễn Viết X, tổ 2, phường Hội P (nay là tổ 2, phường Phù Đ), thành phố P, tỉnh Gia Lai và một nửa căn nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582342, có tứ cận có tứ cận: Phía đông giáp đường Nguyễn Viết X, có kích thước 3m; Phía tây giáp đất bà Tư, có kích thước 3m; Phía nam giáp đất là di sản của cụ Lê Thị B, có kích thước 22m; Phía bắc giáp đất bà Th, có kích thước 22m (Tức là một nửa diện tích của thửa đất số: 40, Tờ bản đồ số: 16, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582342) do bà Võ Thị C và các con là Trà Minh H, Trà Minh T, Trà

Minh V, Trà G đang tạm quản lý, sử dụng di sản (được tạm giao theo Bản án số 65/2012/DS-PT).

Bản án kết luận bà Trà Thị H, sinh năm 1974 nên thời hiệu khởi kiện của bà H đối với di sản do Cụ Ch để lại được tính từ ngày bà H đủ 18 tuổi (Tức là tính từ năm 1992 trở về sau) (Bà H sinh ngày 15/12/1974 nên thời hiệu khởi kiện của bà H tính từ ngày 15/12/1992 trở về sau).

Bản án kết luận thời điểm mở thừa kế của Cụ Ch là năm 1977 thì những người được hưởng di sản của Cụ Ch gồm là 6 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ Lê Thị B, ông Trà Minh Ch1; ông Trà Minh Ch2; bà Trà Thị T; bà Trà Thị L, bà Trà Thị H. Ngoài ra không còn người thừa kế nào khác, cha mẹ của Cụ Ch đã chết trước cụ Ch.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 65/2012/DS-PT ngày 31/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa xử chia di sản của cụ Lê Thị B cho các đồng thừa kế. Còn đối với di sản của cụ Trà Minh Ch để lại thì Tòa án tạm giao cho bà Võ Thị C và các con anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G quản lý, sử dụng.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì các tình tiết sự kiện đã được kết luận trong bản án số 65/2012/DS-PT ngày 31/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai như đã nêu trên là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh trong vụ án này.

Hiện nay, theo quy định của pháp luật thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Hiện nay bà Võ Thị C và các con là anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G đang tạm quản lý, sử dụng di sản thừa kế của cha bà để lại nhưng không chịu chia thừa kế cho bà và các đồng thừa kế khác. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản thừa kế do cha bà (là cụ Trà Minh Ch) chết để lại là diện tích đất 66m², trên đất và một nửa căn nhà tại 06 Nguyễn Viết X, tổ 2, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nhà, đất có tứ cận: Phía đông giáp đường Nguyễn Viết X, có kích thước 3m; Phía tây giáp đất bà T, có kích thước 3m; Phía nam giáp đất là di sản của cụ Lê Thị B đã chia, có kích thước 22m; Phía bắc giáp đất bà Th, có kích thước 22m (Tức là một nửa nhà, đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582342, do UBND thành phố P cấp ngày 02/01/2007) cho những đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: mẹ bà (cụ Lê Thị B), anh Trà Minh Ch1, anh Trà Minh Ch2, chị Trà Thị T, chị Trà Thị L và bà Trà Thị H.

Đối với mẹ bà (cụ Lê Thị B) chết năm 2007 là người được hưởng thừa kế của cha bà nên kỹ phần thừa kế của mẹ bà hưởng từ cha bà, bà yêu cầu chia cho những người thừa kế của mẹ bà là anh Trà Minh Ch1, anh Trà Minh Ch2, bà Trà Thị T, bà Trà Thị L, bà Trà Thị H.

Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 14/6/2022 thì di sản là quyền sử dụng đất của Cụ Ch có diện tích 66m² đất ở có giá trị theo giá thị trường là 2.850.000.000 đồng, giá nhà tạm bà C đang sử dụng diện tích 42,6m² có giá trị là

16.741.800 đồng. Di sản là căn nhà trên đất do Cụ Ch để lại do bà Có quản lý, sử dụng và đã thay đổi phần lớn vật liệu nhưng vẫn còn lại khung nhà gỗ có giá trị khoảng 20% giá trị hiện tại của toàn bộ căn nhà 42,6 m² do bà C đang sử dụng (tương ứng với số tiền 16.741.800 đồng x 20% = 3.348.000 đồng), nên tổng di sản của Cụ Ch có giá trị là 2.853.300.000 đồng.

Bà đồng ý trích lại 1 kỷ phần cho bà C và các con bà C có công sức trong việc quản lý, giữ gìn, duy trì di sản.

Do di sản là quyền sử dụng đất của cha bà có diện tích nhỏ, không thể chia bằng quyền sử dụng đất và hiện di sản đang do bà C và các con bà C đang tạm quản lý sử dụng nên giao toàn bộ di sản cho bà Võ Thị C, ông Trà Minh H, ông Trà Minh T, ông Trà Minh V, bà Trà G sở hữu, quản lý, sử dụng. Bà C và ông H, ông T, ông V, bà G phải trả cho bà và các đồng thừa kế còn lại số tiền mà họ được chia thừa kế, cụ thể: trả cho bà H 489.136.000 đồng, trả cho bà T 489.136.000 đồng, trả cho bà L 489.136.000 đồng, trả cho bà T, bà L, bà N 407.614.000 đồng, trả cho bà L, bà N 81.552.000 đồng.

2. Bị đơn là bà Võ Thị C, ông Trà Minh H, ông Trà Minh T, ông Trà Minh V, bà Trà G mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên đã không trình bày được quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trà Thị L, bà Trần Thị T, bà Trà Hoa L, bà Trà Hoa N là bà Trà Thị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trà Thị T trình bày: bà có ý kiến và yêu cầu như nguyên đơn bà Trà Thị H trình bày.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, bị đơn chưa đảm bảo.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 68, 70, 71, 73, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 615, 618, 649, 651, 652, 658 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về chia phần di sản thừa kế của cụ Trà Minh Ch là ½ lô đất có diện tích 132 m², thửa đất số 40, tờ bản đồ số 16, được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582342 ngày 02/01/2007 cho cụ Lê Thị B, đối với những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật.

- Không chấp nhận của nguyên đơn về yêu cầu chia căn nhà tạm có diện tích 40 m² trên phần diện tích đất có diện tích 132 m², thửa đất số 40, tờ bản đồ số 16, được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582342 ngày 02/01/2007.

- Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định với phần mình được chia. Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà tạm trên đất, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Cụ Trà Minh Ch chết năm 1977, có vợ là cụ Lê Thị B chết năm 2007, khi chết hai cụ đều không để lại di chúc. Hai cụ có năm người con là ông Trà Minh Ch1 (chết năm 2005), ông Trà Minh Ch2 (chết năm 2008), bà Trà Thị T, bà Trà Thị L, bà Trà Thị H.

Cha, mẹ của Cụ Ch là cụ Trà S và cụ Nguyễn Thị Đ đều đã chết.

Ông Trà Minh Ch1 có vợ là bà Trần Thị T và con là chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N.

Ông Trà Minh Ch2 có vợ bà Võ Thị C và con là anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G.

[2.2] Tài sản của cụ Trà Minh Ch và cụ Lê Thị B chết để lại là một căn nhà tạm trên thửa đất có diện tích 132 m² (6 x 22m) tại tổ 2, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582342 ngày 02/11/2007, nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của ông Ngô Văn N năm 1971.

Sau khi Cụ Ch và cụ B chết, các đồng thừa kế không thoả thuận để phân chia di sản của hai cụ, năm 2011 bà Trà Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P chia di sản của Cụ Ch và cụ B theo pháp luật. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2011/DS-ST ngày 06/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố P và Bản án dân sự phúc thẩm số 65/2012/DS-PT ngày 31/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị H, chia di sản của cụ B để lại là một phần thửa đất tại 06 Nguyễn Viết X, tổ 2, phường Hội P (nay là tổ 2,

phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có diện tích 66m² (3x22m); đối với một phần thửa đất còn lại là di sản của Cụ Ch hết thời hiệu yêu cầu chia di sản theo pháp luật nên Toà án tạm giao cho bà Võ Thị C cùng các con là anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G quản lý, sử dụng phần đất nói trên.

[2.3] Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì *thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*. Cụ Ch chết năm 1977, vào thời điểm đó bà Trà Thị H, sinh năm 1974 là con gái Cụ Ch chưa thành niên vào thời điểm mở thừa kế thì thời hiệu khởi kiện về thừa kế tính từ ngày bà Huệ đủ 18 tuổi (tức là năm 1992), ngày 05/10/2020 bà Huệ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Trà Minh Ch (nhà và đất) là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản là nhà và đất của Cụ Ch để lại thấy rằng:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Toà án thu thập được, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C, anh T, anh H, anh V, chị G có tại hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm, hồ sơ vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý năm 2011 và lời khai của bà H, bà T tại phiên toà sơ thẩm thì căn nhà tạm diện tích 40 m² mà Cụ Ch và cụ B tạo lập đến nay không còn nữa, nhà tạm hiện nay là do ông Ch2(chồng bà C) sửa chữa, thay thế 80% vật liệu vào năm 2001; bà L sửa chữa, thay thế 20% vật liệu (phần di sản của cụ B đã chia). Do đó, nhà tạm hiện nay bà C và các con đang sử dụng thuộc quyền sở hữu của bà C và các con, không phải là di sản thừa kế của Cụ Ch để lại. Bà Huệ yêu cầu chia căn nhà này nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Hội đồng xét xử xác định di sản của cụ Trà Minh Ch chết để lại là một phần thửa đất số 40, có diện tích 66 m² (3m x 22m) đất ở, tại 06 Nguyễn Viết X, tổ 2, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582342 ngày 02/11/2007, sau khi Cụ Ch chết, các thừa kế của Cụ Ch không thoả thuận để phân chia di sản của Cụ Ch nên bà Huệ yêu cầu Toà án chia thừa kế đối với di sản của Cụ Ch là có căn cứ.

[2.5] Theo kết quả định giá tài sản ngày 14/6/2022 thì giá trị 66 m² (3m x 22m) đất ở tại 06 Nguyễn Viết X, tổ 2, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai là 2.850.000.000 đồng; giá trị căn nhà tạm bà C đang sử dụng là 16.741.800 đồng, bộ cửa kéo sắt 5.000.000 đồng, giếng 9.280.000 đồng, giá trị 01 phần căn nhà tạm vách ván ông Trà Minh H đang sử dụng có giá là 7.938.600 đồng.

[2.6] Bà C và các con là anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G được Toà án tạm giao quản lý, sử dụng phần di sản của Cụ Ch để lại từ năm 2012 cho đến nay, trước đó bà C cùng chồng là ông Ch2 ở trên đất này cùng với cụ B. Toà án đã nhiều lần triệu tập bà C và các con đến Toà án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến công sức đóng góp trong việc quản lý, giữ gìn, duy trì di sản của Cụ Ch nhưng bà C và các con đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy bà C và các con có công sức đóng góp trong việc quản lý, giữ gìn, duy trì di sản Cụ Ch trong một thời

gian dài nên khi phân chia di sản thừa kế, Hội đồng xét xử xác định giá trị công sức của bà C và các con (anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G) được hưởng là một kỷ phần.

[2.7] Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế của cụ Trà Minh Ch là cụ Lê Thị B (đã chết), ông Trà Minh Ch1 (đã chết), ông Trà Minh Ch2 (đã chết), bà Trà Thị T, bà Trà Thị L, bà Trà Thị H và chia di sản của Cụ Ch thành 7 kỷ phần bằng nhau (trong đó 6 kỷ phần cho hàng thừa kế và 1 kỷ phần cho bà C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G có công sức đóng góp trong việc quản lý, giữ gìn, duy trì di sản), mỗi kỷ phần có giá trị là 407.142.857 đồng (tức $2.850.000.000 : 7 \text{ kỷ phần} = 407.142.857 \text{ đồng}$).

Do cụ B chết không để lại di chúc nên kỷ phần cụ B được hưởng từ Cụ Ch sẽ được chuyển tiếp chia thừa kế cho người thừa kế của cụ B là 5 người thành 5 kỷ phần cho ông Trà Minh Ch1 (đã chết), ông Trà Minh Ch2 (đã chết), bà Trà Thị T, bà Trà Thị L, bà Trà Thị H, mỗi kỷ phần có giá trị là 81.428.571 đồng (tức là $407.142.857 : 5 \text{ kỷ phần} = 81.428.571 \text{ đồng}$). Do ông Ch1 chết trước cụ B nên các con của ông Ch1 là chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N được hưởng kỷ phần này của ông Ch1 (thừa kế thế vị).

Như vậy, bà Trà Thị L, bà Trà Thị T, bà Trà Thị H, mỗi người được nhận 488.571.428 đồng. Bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G được nhận và sở hữu kỷ phần của ông Trà Minh Ch2 là 488.571.428 đồng. Bà Trần Thị T, chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N được nhận và sở hữu kỷ phần của ông Trà Minh Ch1 là 407.142.857 đồng và chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N được nhận kỷ phần thừa kế thế vị của ông Ch1 là 81.428.571 đồng.

[2.8] Do bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G được Toà án tạm giao quản lý và sử dụng một phần thửa đất tại 06 Nguyễn Viết X theo Bản án dân sự phúc thẩm số 65/2012/DS-PT ngày 31/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai của Cụ Ch từ năm 2012 cho đến nay, hiện nay chưa có chỗ ở ổn định; nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lan, bà T, bà T, chị L, chị N không yêu cầu Toà án chia thừa kế bằng hiện vật và có nguyện vọng được nhận giá trị di sản bằng tiền, nên Hội đồng xét xử giao cho bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G được quyền sở hữu và sử dụng chung tài sản này (coi như bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G được nhận kỷ phần của ông Trà Minh Ch2 là 488.571.428 đồng và 407.142.857 đồng là giá trị công sức đóng góp trong việc quản lý, giữ gìn, duy trì di sản, tổng cộng là 895.714.285 đồng) và buộc bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G phải liên đới thanh toán lại cho bà Trà Thị T 1 kỷ phần là 488.571.428 đồng, thanh toán cho bà Trà Thị H 1 kỷ phần là 488.571.428 đồng, thanh toán cho bà Trà Thị L 1 kỷ phần là 488.571.428 đồng; thanh toán cho bà Trần Thị T, chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N 407.142.857 đồng; thanh toán cho chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N 81.428.571 đồng.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.200.000 đồng. Tại phiên toà nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ 9.200.000 đồng này nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện đó.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T, bà L, bà H, mỗi người phải chịu 23.542.857 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị T, chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N phải liên đới chịu 20.285.714 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N phải liên đới chịu 4.071.429 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G phải liên đới chịu 38.871.429 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về lệ phí: Bà Trà Thị H phải chịu 3.900.000 đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, bà H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 180, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị H về việc chia thừa kế đối với một nửa thửa đất số 40, tờ bản đồ số 16 tại 06 Nguyễn Viết X, tổ 2, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai là di sản của cụ Trà Minh Ch để lại.

Di sản được chia là một nửa thửa đất số 40, có diện tích 66 m² (3m x 22m) đất ở, tờ bản đồ số 16, có giá trị là 2.850.000.000 đồng, chia thành 7 kỷ phần bằng nhau (tức là 2.850.000.000 đồng : 7 kỷ phần), mỗi kỷ phần có giá trị 407.142.857 đồng, cho các thừa kế gồm: cụ Lê Thị B, bà Trà Thị T, bà Trà Thị L, bà Trà Thị H, các thừa kế của ông Trà Minh Ch2 (là bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G), các thừa kế của ông Trà Minh Ch1 (là bà Trần Thị T, chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N), bà C cùng các con là anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G được nhận 01 kỷ phần trong việc quản lý, giữ gìn, duy trì di sản).

Do cụ B chết không để lại di chúc nên kỹ phần cụ B được hưởng từ Cụ Ch được chuyển tiếp cho hàng thừa kế của cụ B, cụ thể được chia thành 5 kỹ phần bằng nhau (tức là 407.142.857: 5 kỹ phần = 81.428.571 đồng), mỗi kỹ phần có giá trị 81.428.571 đồng, cho các thừa kế thế vị của ông Trà Minh Ch1 (chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N), các thừa kế của ông Trà Minh Ch2 (bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G), bà Trà Thị T, bà Trà Thị L, bà Trà Thị H.

Giao cho bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G được quyền quản lý, sử dụng chung di sản là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 40, diện tích 66 m² (3 x 22m) đất ở, có tứ cận phía Đông giáp đường Nguyễn Viết X có chiều dài 3 mét, phía Tây giáp đất bà T có chiều dài 3 mét, phía Bắc giáp đất bà Th có chiều dài 22 mét, phía Nam giáp đất phần đất của cụ Lê Thị B (đã chia) có chiều dài 22 mét, tại 06 Nguyễn Viết X, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được sở hữu nhà tạm và các tài sản gắn liền với đất và buộc bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G phải liên đới thanh toán lại cho bà Trà Thị T 488.571.428 đồng, thanh toán cho bà Trà Thị H 488.571.428 đồng, thanh toán cho bà Trà Thị L 488.571.428 đồng; thanh toán cho bà Trần Thị T, chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N 407.142.857 đồng; thanh toán cho chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N 81.428.571 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị H về việc chia căn nhà là di sản của cụ Trà Minh Ch chết để lại.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Công nhận sự tự nguyện của bà Trà Thị H về việc chịu 9.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà H đã nộp đủ số tiền này.

4. Lệ phí: Bà Trà Thị H phải nộp 3.900.000 đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, bà Trà Thị H đã nộp đủ 3.900.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trà Thị Thuỷ, bà Trà Thị L, mỗi người phải nộp 23.542.857 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trà Thị H phải nộp 23.542.857 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005482 ngày 05/10/2020 và biên lai thu tiền số 0000057 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà Trà Thị H còn phải nộp 13.242.857 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị C, anh Trà Minh H, anh Trà Minh T, anh Trà Minh V, chị Trà G phải liên đới nộp 38.871.429 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị T, chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N phải liên đới chịu 20.285.714 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trà Hoa L, chị Trà Hoa N phải liên đới chịu 4.071.429 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu